

Bản án số: 56/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29-5-2023
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Hùng

Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Lan - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Phương Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1970 (Nguyễn Văn D, sinh năm 1971); địa chỉ: Ấp 7, xã Hòa H, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Phạm Ngọc B (Phạm Thị Ngọc Bích), sinh năm 1972; địa chỉ: Ấp 7, xã Hòa H, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 30/01/2023 và trong quá trình xét xử nguyên đơn ông Nguyễn Tiến D (Nguyễn Văn D) trình bày như sau:

Về hôn nhân: Ông D và bà B được mai mối thì đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và bắt đầu chung sống như vợ chồng từ năm 1988 nhưng không có đăng ký kết hôn, sau đó ông bà đăng ký kết hôn vào ngày 19/12/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Hòa H, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long. Trong quá trình chung sống, ông bà

sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do ông đi làm ăn xa có quen người phụ nữ khác ở bên ngoài, không chăm lo cho gia đình và bà B cũng có quen với người đàn ông khác bị con ông là cháu H bắt gặp tại nhà nên từ đó tình cảm vợ chồng không còn chung sống hạnh phúc. Hiện nay ông bà đã sống ly thân được 05 năm, trong quá trình sống ly thân thì ông bà không còn liên lạc và quan tâm nhau nhưng các con của ông vẫn còn liên lạc với bà B, các lần Tòa án gửi giấy mời con rể ông tên Trương Văn Điền S sống cùng nhà với ông nhận thì đều điện thoại thông báo cho bà Bích biết tuy nhiên bà Bích không đồng ý đến Tòa án theo thông báo. Nay ông yêu cầu ly hôn vì xác định không còn tình cảm với bà B.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông bà có 03 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày 05/4/1990; Nguyễn Ngọc Thiên H, sinh ngày 29/9/1993 và Nguyễn Ngọc Bích Th, sinh ngày 08/10/1999. Hiện nay L, Hương và Th đã trưởng thành, ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông D yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông D vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày và không bổ sung gì khác.

- Bị đơn bà Phạm Ngọc B (Phạm Thị Ngọc B) không có văn bản trả lời thông báo của Tòa án, không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa, bà B được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân theo đúng quy định pháp luật tố tụng, người tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định pháp luật, riêng bà Bích chưa chấp hành đúng quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự; thời hạn đưa vụ án ra xét xử là đảm bảo về thời hạn.

Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông D. Cho ông D được ly hôn với bà B.

Về con chung: Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày 05/4/1990; Nguyễn Ngọc Thiên H, sinh ngày 29/9/1993 và Nguyễn Ngọc Bích Th, sinh ngày 08/10/1999 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Ông D yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết

Về án phí: Buộc ông D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, bị đơn cư trú tại huyện Tam Bình được thụ lý phù hợp về thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà B được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà B là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân: Ông D và bà B được mai mối thì đi đến hôn nhân và bắt đầu chung sống như vợ chồng từ năm 1988 nhưng không có đăng ký kết hôn, đến ngày 19/12/2002 ông bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa H, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, ông bà sống hạnh phúc được một khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Tại Tòa, ông D xác định mâu thuẫn do ông đi làm ăn xa có quen người phụ nữ khác ở bên ngoài, không chăm lo cho gia đình và bà Bích cũng có quen với người đàn ông khác nên từ đó tình cảm vợ chồng không còn chung sống hạnh phúc vì vậy ông yêu cầu ly hôn với bà B.

Xét ông D và bà B có một khoảng thời gian dài sống ly thân. Trong khoảng thời gian này, ông D xác định ông bà không còn quan tâm thăm hỏi, chăm sóc cuộc sống của nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho bà B tham gia hòa giải nhiều lần để các bên tháo gỡ những mâu thuẫn nhưng bà B không tham dự và cũng không trình bày ý kiến phản bác đối với yêu cầu xin ly hôn của ông D. Mặc khác, tại Tòa ông D xác định trường hợp Tòa án

không chấp nhận yêu cầu ly hôn thì ông vẫn không thể tiếp tục chung sống với bà B được nữa. Do đó theo lời trình bày của ông D có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông D là phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Ông D xác định ông bà có 03 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày 05/4/1990; Nguyễn Ngọc Thiên H, sinh ngày 29/9/1993 và Nguyễn Ngọc Bích Thủy, sinh ngày 08/10/1999. Hiện nay L, H và Th đã trưởng thành, ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: Ông D yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, bà B không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Tiến D (Nguyễn Văn D). Cho ông Nguyễn Tiến D (Nguyễn Văn D) được ly hôn với bà Phạm Ngọc B (Phạm Thị Ngọc B).

2. Về con chung: Ông D và bà B có 03 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày 05/4/1990; Nguyễn Ngọc Thiên H, sinh ngày 29/9/1993 và Nguyễn Ngọc Bích Th, sinh ngày 08/10/1999. Hiện nay L, H và Th đã trưởng thành, ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ông D yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Tiến D (Nguyễn Văn D) phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông D được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí nộp ngày 09/02/2023 theo biên lai thu số N₀ 0011198 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB thành tiền án phí. Ông D đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Minh Trường